

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1244/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27-12-2017

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Chính
2. Ông Trần Ngọc Hòa

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1048/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1994; cư trú tại: Tổ M, khu vực N, phường P, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Chí T, sinh năm 1991; cư trú tại: 12/8 đường C (khu vực T, phường L), TP. Quy Nhơn, T. Bình Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23-10-2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc A trình bày: Chị và anh Lê Chí T tự nguyện kết hôn vào ngày 20/5/2014 tại UBND phường L, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm. Kể từ ngày chung sống vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu, đến đầu năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đỉnh điểm là tháng 5/2015, nguyên nhân do anh T không thương vợ con, không lo làm ăn, bài bạc, nhậu nhẹt thường xuyên về đánh đập chị. Tháng 5/2017 chị có làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tại Tòa anh T hứa thay đổi sửa chữa lo cho vợ con nên chị cho anh T cơ hội và cũng vì con nên chị rút đơn, nhưng được một tháng đầu thì sau đó đầu lại vào đây, anh T không lo làm ăn, chị có nhắc

nhờ thì vợ chồng kinh cãi, ngày 20/10/2017 anh đối xử tệ với chị, đánh và đuổi chị ra khỏi nhà nên chị về nhà cha mẹ để ở cho đến nay. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, tình cảm vợ chồng đến nay cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có một con chung tên Lê Trần Ngọc Q, sinh ngày 30/5/2015. Hiện nay sức khỏe con chị vẫn bình thường, trước đây con ở với chị nhưng ngày 02/11/2017 anh T gặp và bế con đi cho đến nay không cho chị gặp và chăm sóc con. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T tự thỏa thuận nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Lê Chí T trình bày: Anh thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như chị A đã trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh kể từ ngày chung sống vợ chồng sống hạnh phúc trong một năm đầu, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh bị đau ốm bệnh tật nhưng chị A không chăm lo, quan tâm, chăm sóc hay hỏi han mà để tự bản thân anh chữa trị. Khi vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau thì chị A tự ý bỏ nhà đi và làm đơn xin ly hôn, bản thân anh rất thương vợ con không muốn vợ chồng ly hôn. Nay mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, nhưng có thể hàn gắn được, nên chị A yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn chị A.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Lê Trần Ngọc Q, sinh ngày 30/5/2015. Hiện nay sức khỏe cháu Q vẫn bình thường và cháu đang ở với chị A. Nếu Tòa cho ly hôn anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị A tự thỏa thuận nên anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng nhưng bị đơn vẫn còn vi phạm các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; khoản 2, Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình 2014 và Điều 27 Nghị quyết án phí, lệ phí của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Ngọc A được ly hôn anh Lê Chí T.
- Giao cháu Lê Trần Ngọc Q cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về án phí: Chị A phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại 12/8 đường C, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn thụ lý vụ án, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Lê Chí T vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc A và anh Lê Chí T kết hôn trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/5/2014 tại UBND phường L, thành phố Quy Nhơn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị hạnh phúc thời gian đầu, những năm gần đây thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được vợ chồng sống không có hạnh phúc. Tháng 5/2017 chị có làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tại Tòa anh T hứa thay đổi sửa chữa lo cho vợ con nên chị cho anh T cơ hội và cũng vì con nên chị rút đơn, nhưng sau khi rút đơn anh T vẫn không thay đổi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ngày 20/10/2017 chị và anh ly thân cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay chị A yêu cầu ly hôn anh T, anh T không đồng ý ly hôn chị A nhưng anh không đến Tòa và không có thiện chí hàn gắn. HĐXX xét thấy hôn nhân của anh chị có mâu thuẫn và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay chị A yêu cầu ly hôn anh T là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội được qui định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh chị có một con chung tên Lê Trần Ngọc Q, sinh ngày 30/5/2015. Hiện nay sức khỏe con vẫn bình thường, trước đây ở với chị nhưng ngày 02/12/2017 anh T gặp con và bế cháu đi sau đó không cho chị gặp con làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu vì cháu hiện còn rất nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con. Nay ly hôn anh chị không thỏa thuận được ai là người trực tiếp nuôi dưỡng con và đều yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu trực tiếp được nuôi dưỡng con của chị A và anh T là hoàn toàn chính đáng nhưng cần xem xét về thực tế cháu Q là cháu gái, hiện cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, còn rất nhỏ, cháu rất cần sự chăm sóc, giáo dục, dạy dỗ trực tiếp của người mẹ, chị A có việc làm và có thu nhập, nên giao con cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, hợp lý, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và theo quy định Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nên HĐXX giao

cháu Lê Trần Ngọc Q, sinh ngày 30/5/2015 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Không chấp nhận yêu cầu được nuôi con của anh T, buộc anh T có nghĩa vụ giao lại cháu Q cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Là cha anh T được quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về quan hệ tài sản : Anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về án phí HNGĐST: Căn cứ theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, chị Trần Thị Ngọc A phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, 39, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc A được ly hôn anh Lê Chí T.
2. Về con chung: Chị A và anh T có một con chung tên Lê Trần Ngọc Q, sinh ngày 30/5/2015. Hiện sức khỏe cháu vẫn bình thường đang ở với anh T.
 - Giao cháu Lê Trần Ngọc Q, sinh ngày 30/5/2015 cho chị Trần Thị Ngọc A được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.
 - Anh Lê Chí T có nghĩa vụ giao cháu Lê Trần Ngọc Q, sinh ngày 30/5/2015 cho chị Trần Thị Ngọc A.
 - Bác yêu cầu được trực tiếp nuôi con của anh Lê Chí T.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị A và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc A phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005472 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Tp. Quy Nhơn. Chị A đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Ngọc A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Chí T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- UBND phường L, TP. Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Dung